

Đề thi số 1

Phần I: Câu hỏi lý thuyết (50 câu)

Câu 1: Khái niệm nào sau đây là đúng về pháp luật?

- A. Pháp luật là tổng thể các quy tắc xử sự do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận.
- B. Pháp luật là tập hợp các quy tắc đạo đức trong xã hội.
- C. Pháp luật là các quy định do cộng đồng dân cư tự đặt ra.
- D. Pháp luật là các phong tục, tập quán truyền thống.

Đáp án: A

Câu 2: Thuộc tính nào sau đây không phải là thuộc tính của pháp luật?

- A. Tính quy phạm phổ biến.
- B. Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức.
- C. Tính cưỡng chế nhà nước.
- D. Tính tự nguyện.

Đáp án: D

Câu 3: Chức năng nào sau đây là chức năng cơ bản của pháp luật?

- A. Chức năng giáo dục.
- B. Chức năng điều chỉnh các quan hệ xã hội.
- C. Chức năng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.
- D. Cả A, B, C đều đúng.

Đáp án: D

Câu 4: Hệ thống pháp luật bao gồm các bộ phận nào?

- A. Quy phạm pháp luật, chế định pháp luật, ngành luật.
- B. Hiến pháp, luật, nghị định.
- C. Văn bản quy phạm pháp luật, văn bản áp dụng pháp luật.
- D. Tất cả các đáp án trên.

Đáp án: A

Câu 5: Học thuyết nào sau đây không phải là học thuyết phi Mác-xít về nguồn gốc nhà nước?

- A. Thuyết thần quyền.
- B. Thuyết gia trưởng.

- C. Thuyết bạo lực.
- D. Thuyết đấu tranh giai cấp.

Đáp án: D

Câu 6: Theo học thuyết Mác-Lênin, nhà nước ra đời là do:

- A. Ý chí của thượng đế.
- B. Sự phát triển tự nhiên của gia đình.
- C. Mâu thuẫn giai cấp không thể điều hòa được.
- D. Nhu cầu quản lý xã hội.

Đáp án: C

Câu 7: Đặc trưng cơ bản của nhà nước là gì?

- A. Có bộ máy cưỡng chế chuyên nghiệp.
- B. Có lãnh thổ và dân cư.
- C. Có chủ quyền quốc gia.
- D. Tất cả các đáp án trên.

Đáp án: D

Câu 8: Bản chất của Nhà nước CHXHCN Việt Nam là gì?

- A. Là nhà nước của giai cấp công nhân.
- B. Là nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.
- C. Là nhà nước của liên minh công - nông - trí thức.
- D. Cả B và C đều đúng.

Đáp án: D

Câu 9: Chức năng đối nội của Nhà nước CHXHCN Việt Nam bao gồm:

- A. Bảo vệ chế độ XHCN, bảo vệ an ninh chính trị.
- B. Tổ chức và quản lý kinh tế, văn hóa, giáo dục.
- C. Xây dựng và thực hiện các chính sách xã hội.
- D. Tất cả các đáp án trên.

Đáp án: D

Câu 10: Chức năng đối ngoại của Nhà nước CHXHCN Việt Nam bao gồm:

- A. Bảo vệ Tổ quốc XHCN.
- B. Củng cố và tăng cường hữu nghị, hợp tác với các nước.
- C. Ủng hộ các phong trào giải phóng dân tộc.

D. Tất cả các đáp án trên.

Đáp án: D

Câu 11: Khái niệm bộ máy nhà nước là gì?

- A. Là tổng thể các cơ quan nhà nước.
- B. Là tập hợp các công chức nhà nước.
- C. Là hệ thống các quy định pháp luật.
- D. Là các tổ chức chính trị - xã hội.

Đáp án: A

Câu 12: Quan hệ pháp luật là gì?

- A. Là quan hệ xã hội được điều chỉnh bởi pháp luật.
- B. Là quan hệ xã hội tự nguyện.
- C. Là quan hệ xã hội dựa trên đạo đức.
- D. Là quan hệ xã hội không có sự can thiệp của nhà nước.

Đáp án: A

Câu 13: Các yếu tố cấu thành quan hệ pháp luật bao gồm:

- A. Chủ thể, khách thể, nội dung.
- B. Chủ thể, đối tượng, hành vi.
- C. Chủ thể, quyền, nghĩa vụ.
- D. Chủ thể, quy phạm, chế tài.

Đáp án: A

Câu 14: Quy phạm pháp luật là gì?

- A. Là quy tắc xử sự chung, có tính bắt buộc.
- B. Là quy tắc xử sự mang tính khuyến khích.
- C. Là quy tắc xử sự chỉ áp dụng cho một cá nhân cụ thể.
- D. Là quy tắc xử sự do tổ chức xã hội ban hành.

Đáp án: A

Câu 15: Cấu trúc của quy phạm pháp luật bao gồm:

- A. Giả định, quy định, chế tài.
- B. Điều khoản, chương, mục.
- C. Phần mở đầu, phần nội dung, phần kết thúc.

D. Tất cả các đáp án trên.

Đáp án: A

Câu 16: Vi phạm pháp luật là gì?

- A. Là hành vi trái pháp luật, có lỗi, do chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện, xâm hại đến các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ.
- B. Là hành vi trái đạo đức.
- C. Là hành vi không tuân thủ phong tục tập quán.
- D. Là hành vi không được xã hội chấp nhận.

Đáp án: A

Câu 17: Dấu hiệu nào sau đây không phải là dấu hiệu của vi phạm pháp luật?

- A. Tính trái pháp luật.
- B. Tính có lỗi.
- C. Tính tự nguyện.
- D. Tính có hại cho xã hội.

Đáp án: C

Câu 18: Trách nhiệm pháp lý là gì?

- A. Là hậu quả pháp lý bất lợi mà chủ thể vi phạm pháp luật phải gánh chịu.
- B. Là trách nhiệm đạo đức.
- C. Là trách nhiệm xã hội.
- D. Là trách nhiệm cá nhân.

Đáp án: A

Câu 19: Các loại trách nhiệm pháp lý bao gồm:

- A. Trách nhiệm hình sự, trách nhiệm hành chính, trách nhiệm dân sự, trách nhiệm kỷ luật.
- B. Trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm tập thể.
- C. Trách nhiệm vật chất, trách nhiệm tinh thần.
- D. Tất cả các đáp án trên.

Đáp án: A

Câu 20: Hợp đồng lao động là gì?

- A. Là sự thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động về việc làm có trả công, điều kiện lao động, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên trong quan hệ lao động.
- B. Là thỏa thuận giữa hai bên về việc mua bán hàng hóa.

- C. Là thỏa thuận về việc thuê mướn tài sản.
- D. Là thỏa thuận về việc hợp tác kinh doanh.

Đáp án: A

Câu 21: Thời giờ làm việc bình thường không quá bao nhiêu giờ trong một ngày hoặc bao nhiêu giờ trong một tuần?

- A. 8 giờ/ngày hoặc 48 giờ/tuần.
- B. 10 giờ/ngày hoặc 60 giờ/tuần.
- C. 6 giờ/ngày hoặc 40 giờ/tuần.
- D. 12 giờ/ngày hoặc 72 giờ/tuần.

Đáp án: A

Câu 22: Người lao động được nghỉ ít nhất bao nhiêu ngày mỗi tuần?

- A. 1 ngày.
- B. 2 ngày.
- C. 3 ngày.
- D. Không quy định.

Đáp án: A

Câu 23: Người sử dụng lao động có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trong trường hợp nào sau đây?

- A. Người lao động thường xuyên không hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động.
- B. Người lao động bị ốm đau, tai nạn đã điều trị 12 tháng liên tục đối với người làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn.
- C. Do thiên tai, hỏa hoạn hoặc những lý do bất khả kháng khác mà người sử dụng lao động đã tìm mọi biện pháp khắc phục nhưng vẫn buộc phải thu hẹp sản xuất, giảm chỗ làm việc.
- D. Tất cả các đáp án trên.

Đáp án: D

Câu 24: Người lao động có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trong trường hợp nào sau đây?

- A. Không được bố trí đúng công việc, địa điểm làm việc hoặc không được bảo đảm điều kiện làm việc đã thỏa thuận trong hợp đồng lao động.
- B. Không được trả lương đầy đủ hoặc trả lương không đúng thời hạn theo hợp đồng lao động.
- C. Bị ngược đãi, quấy rối tình dục, cưỡng bức lao động.

D. Tất cả các đáp án trên.

Đáp án: D

Câu 25: Kỷ luật lao động là gì?

- A. Là những quy định về việc tuân thủ thời gian làm việc, trình tự, thủ tục trong lao động và các quy định khác trong nội quy lao động.
- B. Là các quy tắc ứng xử trong công ty.
- C. Là các quy định về an toàn lao động.
- D. Là các quy định về vệ sinh lao động.

Đáp án: A

Câu 26: Hình thức xử lý kỷ luật lao động nào sau đây là nặng nhất?

- A. Khiển trách.
- B. Kéo dài thời hạn nâng lương không quá 6 tháng.
- C. Cách chức.
- D. Sa thải.

Đáp án: D

Câu 27: Trách nhiệm vật chất trong lao động là gì?

- A. Là trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm kỷ luật lao động gây ra.
- B. Là trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật hình sự gây ra.
- C. Là trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật dân sự gây ra.
- D. Là trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật hành chính gây ra.

Đáp án: A

Câu 28: Cơ quan nào có thẩm quyền giải quyết tranh chấp lao động cá nhân?

- A. Hòa giải viên lao động.
- B. Hội đồng trọng tài lao động.
- C. Tòa án nhân dân.
- D. Tất cả các đáp án trên.

Đáp án: D

Câu 29: Cơ quan nào có thẩm quyền giải quyết tranh chấp lao động tập thể?

- A. Hòa giải viên lao động.
- B. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.
- C. Tòa án nhân dân.

D. Tất cả các đáp án trên.

Đáp án: D

Câu 30: Nguồn gốc của nhà nước theo quan điểm của thuyết thần quyền là gì?

- A. Do ý chí của thượng đế.
- B. Do sự phát triển của gia đình.
- C. Do đấu tranh giai cấp.
- D. Do nhu cầu quản lý xã hội.

Đáp án: A

Câu 31: Nguồn gốc của nhà nước theo quan điểm của thuyết gia trưởng là gì?

- A. Do ý chí của thượng đế.
- B. Do sự phát triển của gia đình, quyền lực của người đứng đầu gia đình dần mở rộng thành quyền lực nhà nước.
- C. Do đấu tranh giai cấp.
- D. Do nhu cầu quản lý xã hội.

Đáp án: B

Câu 32: Nguồn gốc của nhà nước theo quan điểm của thuyết bạo lực là gì?

- A. Do ý chí của thượng đế.
- B. Do sự phát triển của gia đình.
- C. Do chiến tranh, chinh phục, bạo lực của thị tộc này đối với thị tộc khác.
- D. Do nhu cầu quản lý xã hội.

Đáp án: C

Câu 33: Nguồn gốc của nhà nước theo quan điểm của thuyết khế ước xã hội là gì?

- A. Do ý chí của thượng đế.
- B. Do sự phát triển của gia đình.
- C. Do đấu tranh giai cấp.
- D. Do sự thỏa thuận giữa những người trong xã hội để thành lập nhà nước.

Đáp án: D

Câu 34: Chế độ xã hội thời kỳ cộng sản nguyên thủy có đặc điểm gì?

- A. Có sự phân hóa giai cấp sâu sắc.
- B. Mọi người đều tự do và bình đẳng, không có đặc quyền, đặc lợi.
- C. Có nhà nước để quản lý xã hội.

D. Có sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất.

Đáp án: B

Câu 35: Quyền lực xã hội trong chế độ cộng sản nguyên thủy thuộc về ai?

- A. Vua chúa.
- B. Tầng lớp quý tộc.
- C. Hội đồng thị tộc.
- D. Cá nhân có quyền lực nhất.

Đáp án: C

Câu 36: Đặc trưng nào sau đây không phải là đặc trưng của nhà nước?

- A. Có bộ máy cưỡng chế chuyên nghiệp.
- B. Phân chia dân cư theo lãnh thổ.
- C. Thu thuế để duy trì bộ máy nhà nước.
- D. Có sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất.

Đáp án: D

Câu 37: Nhà nước CHXHCN Việt Nam thể hiện tính xã hội rộng lớn thông qua việc:

- A. Bảo vệ quyền và lợi ích của mọi tầng lớp nhân dân.
- B. Chỉ bảo vệ quyền lợi của giai cấp công nhân.
- C. Chỉ bảo vệ quyền lợi của tầng lớp trí thức.
- D. Chỉ bảo vệ quyền lợi của nông dân.

Đáp án: A

Câu 38: Cơ quan nhà nước là gì?

- A. Là bộ phận cấu thành của bộ máy nhà nước, có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể.
- B. Là tổ chức chính trị - xã hội.
- C. Là tổ chức kinh tế.
- D. Là tổ chức nghề nghiệp.

Đáp án: A

Câu 39: Phân loại cơ quan nhà nước theo chức năng bao gồm:

- A. Cơ quan lập pháp, cơ quan hành pháp, cơ quan tư pháp.
- B. Cơ quan trung ương, cơ quan địa phương.
- C. Cơ quan quyền lực nhà nước, cơ quan quản lý nhà nước.

D. Tất cả các đáp án trên.

Đáp án: A

Câu 40: Khách thể của quan hệ pháp luật là gì?

- A. Là lợi ích vật chất hoặc tinh thần mà các bên mong muốn đạt được khi tham gia quan hệ pháp luật.
- B. Là các bên tham gia quan hệ pháp luật.
- C. Là quyền và nghĩa vụ của các bên.
- D. Là các quy định pháp luật.

Đáp án: A

Câu 41: Nội dung của quan hệ pháp luật là gì?

- A. Là quyền và nghĩa vụ pháp lý của các chủ thể tham gia quan hệ pháp luật.
- B. Là các quy định pháp luật.
- C. Là các sự kiện pháp lý.
- D. Là các hành vi pháp lý.

Đáp án: A

Câu 42: Quy phạm pháp luật có tính bắt buộc chung nghĩa là:

- A. Áp dụng cho tất cả mọi người, mọi tổ chức trong phạm vi lãnh thổ.
- B. Chỉ áp dụng cho một số đối tượng nhất định.
- C. Chỉ áp dụng trong một thời gian nhất định.
- D. Chỉ áp dụng trong một địa điểm nhất định.

Đáp án: A

Câu 43: Giả định trong quy phạm pháp luật là gì?

- A. Là phần nêu lên những điều kiện, hoàn cảnh có thể xảy ra trong thực tế mà đó quy phạm pháp luật sẽ phát sinh hiệu lực.
- B. Là phần quy định cách xử sự mà chủ thể phải thực hiện.
- C. Là phần quy định các biện pháp cưỡng chế nhà nước.
- D. Là phần nêu lên mục đích của quy phạm pháp luật.

Đáp án: A

Câu 44: Quy định trong quy phạm pháp luật là gì?

- A. Là phần nêu lên những điều kiện, hoàn cảnh có thể xảy ra trong thực tế.
- B. Là phần quy định cách xử sự mà chủ thể phải thực hiện, hoặc không được thực hiện.

C. Là phần quy định các biện pháp cưỡng chế nhà nước.

D. Là phần nêu lên mục đích của quy phạm pháp luật.

Đáp án: B

Câu 45: Chế tài trong quy phạm pháp luật là gì?

A. Là phần nêu lên những điều kiện, hoàn cảnh có thể xảy ra trong thực tế.

B. Là phần quy định cách xử sự mà chủ thể phải thực hiện.

C. Là phần quy định các biện pháp cưỡng chế nhà nước sẽ áp dụng đối với chủ thể vi phạm.

D. Là phần nêu lên mục đích của quy phạm pháp luật.

Đáp án: C

Câu 46: Vi phạm hành chính là gì?

A. Là hành vi vi phạm pháp luật có mức độ nguy hiểm cho xã hội thấp hơn tội phạm, xâm phạm các quy tắc quản lý nhà nước.

B. Là hành vi vi phạm pháp luật hình sự.

C. Là hành vi vi phạm pháp luật dân sự.

D. Là hành vi vi phạm kỷ luật lao động.

Đáp án: A

Câu 47: Vi phạm hình sự (tội phạm) là gì?

A. Là hành vi nguy hiểm cho xã hội, được quy định trong Bộ luật Hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân.

B. Là hành vi vi phạm pháp luật hành chính.

C. Là hành vi vi phạm pháp luật dân sự.

D. Là hành vi vi phạm kỷ luật lao động.

Đáp án: A

Câu 48: Vi phạm dân sự là gì?

A. Là hành vi vi phạm pháp luật hình sự.

B. Là hành vi vi phạm pháp luật hành chính.

C. Là hành vi xâm phạm tới các quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân được pháp luật dân sự bảo vệ.

D. Là hành vi vi phạm kỷ luật lao động.

Đáp án: C

Câu 49: Vi phạm kỷ luật là gì?

- A. Là hành vi vi phạm pháp luật hình sự.
- B. Là hành vi vi phạm pháp luật hành chính.
- C. Là hành vi xâm phạm các quy tắc, quy chế nội bộ của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.
- D. Là hành vi vi phạm pháp luật dân sự.

Đáp án: C

Câu 50: Trách nhiệm hình sự là gì?

- A. Là trách nhiệm pháp lý do Tòa án áp dụng đối với người phạm tội.
- B. Là trách nhiệm pháp lý do cơ quan hành chính áp dụng.
- C. Là trách nhiệm pháp lý do Tòa án áp dụng trong các vụ án dân sự.
- D. Là trách nhiệm pháp lý do người sử dụng lao động áp dụng.

Đáp án: A

Phần II: Câu hỏi tình huống thực tế (10 câu)

Câu 51: Anh A là nhân viên của công ty X. Anh A thường xuyên đi làm muộn và không hoàn thành công việc được giao. Công ty X đã nhiều lần nhắc nhở nhưng anh A vẫn tái phạm.

Trong trường hợp này, công ty X có thể áp dụng hình thức xử lý kỷ luật nào đối với anh A?

- A. Khiển trách.
- B. Kéo dài thời hạn nâng lương.
- C. Sa thải.
- D. Tất cả các hình thức trên đều có thể được áp dụng tùy theo mức độ vi phạm và nội quy lao động của công ty.

Đáp án: D

Câu 52: Chị B làm việc tại công ty Y theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Chị B bị ốm nặng và phải điều trị liên tục trong 15 tháng. Trong trường hợp này, công ty Y có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với chị B không?

- A. Có, vì chị B đã điều trị quá 12 tháng liên tục.
- B. Không, vì chị B bị ốm là lý do chính đáng.
- C. Chỉ khi chị B tự nguyện xin nghỉ việc.
- D. Chỉ khi có sự đồng ý của công đoàn.

Đáp án: A

Câu 53: Anh C là công nhân tại nhà máy Z. Trong quá trình làm việc, do sơ suất, anh C đã làm hỏng một máy móc trị giá 50 triệu đồng. Anh C có phải chịu trách nhiệm vật chất đối với thiệt hại này không?

- A. Có, anh C phải bồi thường toàn bộ thiệt hại.
- B. Có, anh C phải bồi thường một phần thiệt hại theo quy định của pháp luật lao động.
- C. Không, vì đây là tai nạn lao động.
- D. Không, vì máy móc đã cũ.

Đáp án: B

Câu 54: Một nhóm công nhân tại công ty K đình công đòi tăng lương. Công ty K và nhóm công nhân không đạt được thỏa thuận. Trong trường hợp này, tranh chấp lao động tập thể này có thể được giải quyết bằng cách nào?

- A. Hòa giải.
- B. Trọng tài lao động.
- C. Tòa án nhân dân.
- D. Tất cả các phương án trên đều có thể được áp dụng theo trình tự pháp luật.

Đáp án: D

Câu 55: Ông D lái xe ô tô vượt đèn đỏ gây tai nạn giao thông làm một người bị thương nặng. Hành vi của ông D là vi phạm pháp luật loại nào?

- A. Vi phạm hành chính.
- B. Vi phạm hình sự.
- C. Vi phạm dân sự.
- D. Vi phạm kỷ luật.

Đáp án: B

Câu 56: Bà E vay tiền của ông F nhưng không trả đúng hạn theo thỏa thuận. Ông F khởi kiện bà E ra tòa án. Đây là loại quan hệ pháp luật nào?

- A. Quan hệ pháp luật hình sự.
- B. Quan hệ pháp luật hành chính.
- C. Quan hệ pháp luật dân sự.
- D. Quan hệ pháp luật lao động.

Đáp án: C

Câu 57: Một quy phạm pháp luật quy định:

Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm. Phần “Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng” là bộ phận nào của quy phạm pháp luật?

- A. Giả định.
- B. Quy định.
- C. Chế tài.
- D. Mục đích.

Đáp án: A

Câu 58: Một công ty ban hành nội quy lao động, trong đó có quy định về việc nhân viên phải mặc đồng phục khi đi làm. Quy định này thuộc loại quy phạm pháp luật nào?

- A. Quy phạm pháp luật hình sự.
- B. Quy phạm pháp luật hành chính.
- C. Quy phạm pháp luật dân sự.
- D. Quy phạm pháp luật nội bộ (kỷ luật).

Đáp án: D

Câu 59: Một cán bộ nhà nước nhận hối lộ. Hành vi này vi phạm pháp luật nào?

- A. Vi phạm hành chính.
- B. Vi phạm hình sự.
- C. Vi phạm dân sự.
- D. Vi phạm kỷ luật.

Đáp án: B

Câu 60: Một người gây tai nạn giao thông làm chết người. Người này sẽ phải chịu trách nhiệm pháp lý nào?

- A. Trách nhiệm hành chính.
- B. Trách nhiệm hình sự.
- C. Trách nhiệm dân sự.
- D. Cả B và C.

Đáp án: D